CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2020

GIẤY UỶ QUYỀN

(Số: 33 /TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

Người uỷ quyền: Ông Đào Việt Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 012348941 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/02/2014.

Người được uỷ quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 030800017 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2008.

Nội dung uỷ quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đào Việt Anh ủy quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký các loại Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến các loại Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

2. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Người ủy quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được ủy quyền.

3. Thời hạn ủy quyền: Việc ủy quyền này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký giấy ủy quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ỦY QUYỀN**
TỔNG GIÁM ĐỐC Phan Thanh Bình	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Đào Việt Anh

M.S.D.N: 0200793081 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Ký ngày: 19/3/2021 16:00:04

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI	**CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10 /CV-TASADH-2021	----------
(V/v: Giải trình chênh lệch BCTC hợp nhất năm 2020 trước và sau kiểm toán)	*Hải phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021*

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 đường đi Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP Hải Phòng
4. Điện thoại: 0225.3798895 Fax: 0225.3798895

Chúng tôi xin được giải trình về một số chênh lệch giữa BCTC hợp nhất năm 2020 trước và sau kiểm toán như sau:

Số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

1. Các khoản giảm trừ doanh thu (MS 02)
   + Số liệu trước kiểm toán: 9.508.363 đồng
   + Số liệu sau kiểm toán: 0 đồng

Chênh lệch 9.508.363 đồng là do kiểm toán phân loại lại Doanh thu giảm trừ chuyển sang Giá vốn hàng bán.

2. Chi phí khác (MS 32)
   + Số liệu trước kiểm toán: 15.406.998 đồng
   + Số liệu sau kiểm toán: 43.957.813 đồng

Chênh lệch 28.550.815 đồng là do kiểm toán phân loại lại Thu nhập khác và chi phí khác.

3. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (MS 52)
   + Số liệu trước kiểm toán: (44.505.801) đồng
   + Số liệu sau kiểm toán: (83.461.831) đồng

Chênh lệch 38.956.030 đồng là do kiểm toán điều chỉnh lại khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0200793081 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
-Như kính gửi
-Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (từ nhiệm ngày 05/03/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 33/TASA-UQ ngày 01 tháng 10 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0200793081
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 091 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
M.S.D.N: 0102546856-C.T.T.N.H.H. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Ngô Tiến Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**131.672.650.147**	**110.929.631.176**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**64.406.958.140**	**21.404.756.530**
1. Tiền	111		13.406.958.140	15.404.756.530
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**-**	**45.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	45.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**53.483.227.895**	**38.098.186.942**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	26.067.242.132	24.340.547.325
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	14.565.578.371	3.239.343.370
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	13.731.511.417	10.518.296.247
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(881.104.025)	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**11**	**12.583.899.415**	**4.420.794.434**
1. Hàng tồn kho	141		12.583.899.415	4.420.794.434
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.198.564.697**	**2.005.893.270**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	579.566.495	308.054.405
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		534.209.193	1.327.572.642
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	84.789.009	370.266.223
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**88.698.768.930**	**102.931.609.680**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**127.943.318**	**3.145.239.293**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.472.000.000	2.472.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	127.943.318	2.295.943.318
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(2.472.000.000)	(1.622.704.025)
II. Tài sản cố định	**220**		**81.258.604.205**	**92.282.086.617**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	75.376.345.148	85.970.678.930
- Nguyên giá	*222*		*196.407.118.261*	*201.429.478.212*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(121.030.773.113)*	*(115.458.799.282)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	5.882.259.057	6.311.407.687
- Nguyên giá	*228*		*12.418.804.956*	*12.418.804.956*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(6.536.545.899)*	*(6.107.397.269)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**15**	**668.436.529**	**785.200.660**
- Nguyên giá	*231*		*2.429.441.525*	*2.429.441.525*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(1.761.004.996)*	*(1.644.240.865)*
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.643.784.878**	**6.719.083.110**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.476.768.426	2.105.401.959
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		85.488.570	-
3. Lợi thế thương mại	269	17	3.081.527.882	4.613.681.151
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**220.371.419.077**	**213.861.240.856**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**20.167.310.261**	**18.378.534.066**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**19.403.324.404**	**14.854.174.948**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	9.753.076.015	8.803.618.255
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		653.203.967	276.948.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.145.507.287	1.469.446.827
4. Phải trả người lao động	314		1.427.521.149	1.264.138.456
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		790.143.022	827.652.600
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.090.907	15.090.911
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.448.621.290	2.168.711.740
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		170.160.767	28.567.634
II. Nợ dài hạn	**330**		**763.985.857**	**3.524.359.118**
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	463.090.000	3.225.490.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		300.895.857	298.869.118
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**20**	**200.204.108.816**	**195.482.706.790**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**200.204.108.816**	**195.482.706.790**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*187.110.000.000*	*187.110.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.287.359.500	9.287.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.095.490.500)	(22.095.490.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.737.900.615	6.585.394.258
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		108.532.185	70.539.052
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.599.430.307	14.094.237.591
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*7.016.533.919*	*6.243.459.808*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	*421b*		*8.582.896.388*	*7.850.777.783*
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		3.456.376.709	430.666.889
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**220.371.419.077**	**213.861.240.856**

M.S.D.N: 0200793081 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Nguyễn Thu Thủy	Nguyễn Thu Thủy	Phan Thanh Bình
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**23**	**170.252.143.738**	**161.096.195.325**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**170.252.143.738**	**161.096.195.325**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	134.018.852.513	125.465.592.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**36.233.291.225**	**35.630.603.244**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.902.704.274	3.062.115.744
7. Chi phí tài chính	22		56.949.640	52.883.765
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*46.595.076*	*47.422.629*
8. Chi phí bán hàng	25	27	176.927.695	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	19.508.626.057	18.316.829.336
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26}	**30**		**19.393.492.107**	**20.323.005.887**
11. Thu nhập khác	31	28	1.659.998.279	420.431.967
12. Chi phí khác	32		43.957.813	14.025.175
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**1.616.040.466**	**406.406.792**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**21.009.532.573**	**20.729.412.679**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	3.232.474.614	4.481.917.514
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(83.461.831)	(3.473.183)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**17.860.519.790**	**16.250.968.348**
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		17.738.895.052	16.214.815.783
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		121.624.738	36.152.565
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.037	948

M.S.D.N: 0200793081 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Nguyễn Thu Thủy	Nguyễn Thu Thủy	Phan Thanh Bình
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***21.009.554.573***	***20.729.412.679***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	13.999.236.956	13.181.431.197
Các khoản dự phòng	03	1.730.400.000	1.622.704.025
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.498.453	2.468.779
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.506.842.351)	(3.307.492.892)
Chi phí lãi vay	06	46.595.076	47.422.629
Các khoản điều chỉnh khác	07	178.265.434	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***32.458.708.141***	***32.275.946.417***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(12.144.990.707)	(1.172.246.780)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.644.890.527)	(21.362.498)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.847.473.991	2.259.762.280
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.537.878.557)	230.585.568
Tiền lãi vay đã trả	14	(46.595.076)	(47.422.629)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.569.849.106)	(4.400.366.671)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(665.244.000)	(1.594.357.064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***10.696.734.159***	***27.530.538.623***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.413.920.145)	(12.504.977.865)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.785.000.000	570.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.000.000.000)	(45.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	73.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.085.596.273)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.023.425.367	2.049.829.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***47.308.908.949***	***(54.884.239.385)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	(6.413.155.710)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.612.004.000	20.482.630.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(25.612.004.000)	(20.482.630.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.001.976.565)	(21.702.905.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(15.001.976.565)***	***(28.116.061.124)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**43.003.666.543**	**(55.469.761.886)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**21.404.756.530**	**76.876.290.511**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.464.933)	(1.772.095)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**64.406.958.140**	**21.404.756.530**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Nguyễn Thu Thủy	Nguyễn Thu Thủy	Phan Thanh Bình
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14/05/2018.

Công ty có trụ sở tại: số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 11 người (tại ngày 31/12/2019 là 11 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container;
- Cho thuê xe có động cơ.

Hoạt động kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty/ Chi nhánh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,680%	99,680%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,000%	99,000%
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,350%	99,350%
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10
Tài sản khác	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các chính sách kế toán của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị;
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: Cổ đông lớn;
- Ông Nguyễn Thành Lê: Cổ đông lớn;
- Bà Nguyễn Thị Nhung: Cổ đông lớn (không còn là cổ đông lớn từ ngày 03/12/2020);
- Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs: Cổ đông lớn.

4. GIAO DỊCH MUA CỔ PHẦN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm, Công ty đã thực hiện các giao dịch trọng yếu để nhận chuyển nhượng và phần vốn góp như sau:

Mua Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam

Vào ngày 25 tháng 06 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng một phần vốn góp của Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam với giá phí là 3.060.000.000 VND, tương đương với 51% tỷ lệ sở hữu của Công ty này. Theo đó, Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ sở hữu 51%. Hoạt động chính của Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam là nhập khẩu và kinh doanh điều hòa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của công ty này tại ngày mua được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	974.403.727
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.599.306
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.192.647.624
Phải thu ngắn hạn khác	173.407.299
Hàng tồn kho	1.693.214.454
Tài sản ngắn hạn khác	282.398.409
	7.323.670.819
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	341.161.800
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	677.508.849
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.090.982
Phải trả ngắn hạn khác	300.000.000
	1.324.761.631
Tổng tài sản thuần	**5.998.909.188**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(2.939.465.502)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	556.314
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	**3.060.000.000**
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	974.403.727
Tiền chi để mua công ty con tính đến ngày 31/12/2020	(3.060.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua	**(2.085.596.273)**

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 3.060.000.000 VND được thanh toán bằng tiền. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam từ ngày 01/01/2020 đến ngày mua lần lượt là 323.853.915 VND và 140.188 VND. Lợi nhuận trước thuế kể từ ngày mua đến ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam là 194.173.125 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	**3.065.990.723**	**3.737.783.673**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	1.099.146.686	2.266.140.072
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	129.741.965	205.734.458
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	926.406.861	778.675.854
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	77.144.928	5.638.461
Công ty TNHH Container Minh Thành	243.471.766	18.765.856
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	260.319.546	293.734.130
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	190.705.359	169.094.842
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	45.359.000	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	93.694.612	-
Tiền gửi ngân hàng	**10.340.967.417**	**11.666.972.857**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	3.921.223.662	2.895.990.990
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.313.510.879	3.801.438.512
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	10.068.567	505.090.910
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	36.590.694	105.224.077
Công ty TNHH Container Minh Thành	97.401.265	325.421.182
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	592.596.339	2.651.861.218
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.902.176.755	1.381.945.968
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	947.170.756	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	520.228.500	-
Các khoản tương đương tiền (i)	**51.000.000.000**	**6.000.000.000**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	51.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	**64.406.958.140**	**21.404.756.530**

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**-**	**-**	**45.000.000.000**	**45.000.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000

Ghi chú:

(i) Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng tại ngân hàng.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**26.067.242.132**	**24.340.547.325**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	1.440.057.955	1.176.734.252
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	19.392.947.787	18.893.117.445
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.461.946.566	1.533.995.500
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	716.502.050	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	60.677.392	345.905.404
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.116.797.950	1.063.746.442
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.690.683.837	1.327.048.282
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	187.628.595	-
Cộng	**26.067.242.132**	**24.340.547.325**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**14.565.578.371**	**3.239.343.370**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	79.427.371	20.003.370
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	16.000.000	16.000.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	814.160.000	957.325.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	4.000.000	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	6.164.000.000	164.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.876.000.000	2.038.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	28.728.000	44.015.000
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	4.000.000	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	3.579.263.000	-
Cộng	**14.565.578.371**	**3.239.343.370**

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**13.731.511.417**	**10.518.296.247**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	2.004.178.774	2.612.341.011
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6.426.839.329	4.716.495.330
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	963.027.815	1.745.141.707
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	289.526.037	10.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	14.822.000	10.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.341.600.000	374.400.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	908.704.990	1.049.918.199
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	-	
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	782.812.472	-
b. Dài hạn	**127.943.318**	**2.295.943.318**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	92.000.000	5.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	35.943.318	35.943.318
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	2.255.000.000
Cộng	**13.859.454.735**	**12.814.239.565**

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đây là khoản dự phòng trích lập cho khoản phải thu tại Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Nguyên liệu, vật liệu	**8.328.428**	-	**18.862.254**	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	8.328.428	-	18.862.254	-
b) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	**385.021.590**	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	-	385.021.590	-
c) Hàng hoá	**12.575.570.987**	-	**4.016.910.590**	-
Công ty TNHH MTV Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	32.290.911	-	-	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	1.135.423.363	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	664.830.390	-	2.947.929.163	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	10.743.026.323	-	1.068.981.427	-
Cộng	**12.583.899.415**	-	**4.420.794.434**	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**579.566.495**	**308.054.405**
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	323.333.333	-
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	8.032.500	116.902.283
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	85.258.769	21.600.001
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	162.941.893	169.552.121
b. Dài hạn	**3.476.768.426**	**2.105.401.959**
- Chi phí cải tạo văn phòng	653.983.063	-
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	795.726.101	966.604.838
- Thiết bị văn phòng và sửa xe	84.464.100	91.331.967
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.840.128.099	974.942.974
- Đo đạc bản đồ, lập quy hoạch bãi	-	18.939.397
- Chi phí trả trước dài hạn khác	102.467.063	53.582.783
Cộng	**4.056.334.921**	**2.413.456.364**

13. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**147.630.247.185**	**8.857.516.230**	**774.920.802**	**44.166.793.995**	**201.429.478.212**
Tăng trong năm	-	345.454.545	129.775.500	179.050.000	654.280.045
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.014.846.600	-	-	-	1.014.846.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(6.510.327.414)	(6.510.327.414)
Giảm khác	(181.159.182)	-	-	-	(181.159.182)
Số dư cuối năm	**148.463.934.603**	**9.202.970.775**	**904.696.302**	**37.835.516.581**	**196.407.118.261**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**67.443.077.200**	**6.429.834.713**	**770.240.528**	**40.815.646.841**	**115.458.799.282**
Khấu hao trong năm	9.754.971.416	388.122.227	13.003.435	1.764.517.534	11.920.614.612
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(6.346.484.124)	(6.346.484.124)
Giảm khác	(2.156.657)	-	-	-	(2.156.657)
Số dư cuối năm	**77.195.891.959**	**6.817.956.940**	**783.243.963**	**36.233.680.251**	**121.030.773.113**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**80.187.169.985**	**2.427.681.517**	**4.680.274**	**3.351.147.154**	**85.970.678.930**
Tại ngày cuối năm	**71.268.042.644**	**2.385.013.835**	**121.452.339**	**1.601.836.330**	**75.376.345.148**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 49.205.950.876 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 31.786.111.242 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
Số dư cuối năm	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	6.037.397.269	70.000.000	6.107.397.269
Khấu hao trong năm	429.148.630	-	429.148.630
Số dư cuối năm	6.466.545.899	70.000.000	6.536.545.899
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	6.311.407.687	-	6.311.407.687
Tại ngày cuối năm	5.882.259.057	-	5.882.259.057

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 122.110.133 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 122.110.133 VND).

15. TĂNG/GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	2.429.441.525	2.429.441.525
Số dư cuối năm	2.429.441.525	2.429.441.525
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.644.240.865	1.644.240.865
Trích khấu hao trong năm	116.764.131	116.764.131
Số dư cuối năm	1.761.004.996	1.761.004.996
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	785.200.660	785.200.660
Tại ngày cuối năm	668.436.529	668.436.529

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để làm việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	8.642.933	-	8.642.933	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	361.623.290	-	276.834.281	84.789.009
Cộng	**370.266.223**	**-**	**285.477.214**	**84.789.009**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	286.052.773	5.277.949.984	5.030.185.397	533.817.360
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	496.228.948	494.541.773	1.687.175
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.211.643	2.211.643	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	456.010.247	2.955.662.333	2.569.849.106	841.823.474
Thuế thu nhập cá nhân	77.383.807	620.818.172	630.022.701	68.179.278
Thuế đất, tiền thuê đất	650.000.000	3.303.177.782	2.253.177.782	1.700.000.000
Thuế phí khác	-	31.615.266	31.615.266	-
Cộng	**1.469.446.827**	**12.687.664.128**	**11.011.603.668**	**3.145.507.287**

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Container Minh Thành	3.081.527.882	4.613.681.151
Cộng	**3.081.527.882**	**4.613.681.151**

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	**9.753.076.015**	**8.803.618.255**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	213.724.940	371.276.100
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	675.641.794	227.533.600
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	5.445.330.000	5.485.207.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	3.535.840	11.667.827
Công ty TNHH Container Minh Thành	186.230.000	4.950.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.093.168.989	1.499.101.458
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.091.551.652	1.203.882.270
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	43.892.800	-
Cộng	**9.753.076.015**	**8.803.618.255**

Các khoản nợ trên đều là nợ trong hạn và có khả năng trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**3.448.621.290**	**2.168.711.740**
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.630.400.000	867.400.000
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*1.630.400.000*	*867.400.000*
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	610.434.000	520.989.600
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	*610.434.000*	*520.989.600*
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.207.787.290	780.322.140
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	*806.576.594*	*624.251.426*
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*16.183.729*	*11.477.000*
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*1.597.600*	*74.700*
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	*2.033.680*	-
- Công ty TNHH Container Minh Thành	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	*379.929.687*	*140.074.614*
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*1.466.000*	*4.444.400*
b. Dài hạn	**463.090.000**	**3.225.490.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	463.090.000	3.225.490.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	*18.000.000*	*3.000.000*
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*290.000.000*	*2.940.000.000*
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*71.090.000*	*63.490.000*
- Công ty TNHH Container Minh Thành	*84.000.000*	*219.000.000*
Cộng	**3.911.711.290**	**5.394.201.740**

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**187.110.000.000**	**9.287.359.500**	**(15.682.334.790)**	**6.435.343.114**	**259.392.390**	**20.656.393.257**	**424.011.038**	**208.490.164.509**
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(6.413.155.710)	-				(6.413.155.710)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	16.214.815.783	36.152.565	16.250.968.348
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	150.051.144	406.929.662	(21.870.717.442)	-	(21.313.736.636)
Giảm khác	-	-	-	-	(595.783.000)	(906.254.007)	(29.496.714)	(1.531.533.721)
Số dư đầu năm nay	**187.110.000.000**	**9.287.359.500**	**(22.095.490.500)**	**6.585.394.258**	**70.539.052**	**14.094.237.591**	**430.666.889**	**195.482.706.790**
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	2.939.465.502	2.939.465.502
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17.738.895.052	121.624.738	17.860.519.790
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	152.506.357	49.596.839	(15.306.968.436)	(36.152.565)	(15.141.017.805)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	306.186.294	-	-	306.186.294
Chi Quỹ và chi khác	-	-	-	-	(317.790.000)	(133.264.000)	772.145	(450.281.855)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(793.469.900)	-	(793.469.900)
Số dư cuối năm nay	**187.110.000.000**	**9.287.359.500**	**(22.095.490.500)**	**6.737.900.615**	**108.532.185**	**15.599.430.307**	**3.456.376.709**	**200.204.108.816**

Ghi chú:

(i) Khoản phân phối lợi nhuận gồm có:

a. Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ: Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức năm 2019	6.691.230.400
Tạm chi trả cổ tức năm 2020	8.364.038.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	49.596.839
Quỹ đầu tư phát triển	49.596.839
Quỹ phát triển thị trường (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	49.596.839
	15.204.058.917

b. Trích quỹ tại các công ty con với tổng số tiền là 716.019.151 VND.

Số cổ tức Công ty đã trả trong năm là 14.965.824.000 VND.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**18.711.000**	**18.711.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**18.711.000**	**18.711.000**
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**1.982.924**	**1.982.924**
+ Cổ phiếu phổ thông	1.982.924	1.982.924
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**16.728.076**	**16.728.076**
+ Cổ phiếu phổ thông	16.728.076	16.728.076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	**10.000**	**10.000**

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của các Cổ đông	167.280.760.000	167.280.760.000
Cổ phiếu quỹ	(19.829.240.000)	(19.829.240.000)

Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/04/2015:

Số lượng chứng khoán chào bán	3.303.000	Cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu theo giá chào bán	37.984.500.000	VND
Chi phí phát hành cổ phiếu	142.000.000	VND
Tổng số lượng huy động vốn từ đợt chào bán	37.842.500.000	VND
Ngày hoàn thành đợt chào bán	24/07/2015	

Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán, Công ty đã nhận chuyển nhượng 51% vốn góp tại Công ty TNHH Fujiaire Việt Nam với số tiền 3.060.000.000 VND.

Số tiền còn lại 34.782.500.000 VND, Công ty đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (số dư tại 31/12/2020 là 20.000.000.000 VND), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (số dư tại 31/12/2020 là 16.000.000.000 VND) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á – Chi nhánh Hải Phòng (số dư tại thời điểm 31/12/2020 là 15.000.000.000 VND).

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	1400,39	6.055,60

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ CFS, dịch vụ bãi, dịch vụ vận chuyển...
Kinh doanh khác: Bán hàng hóa, thành phẩm...

Thông tin về kết quả kinh doanh về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị: VND

Năm nay	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	Kết quả kinh doanh theo bộ phận
Kinh doanh dịch vụ	164.483.410.823	129.500.231.957	34.983.178.866
Kinh doanh thương mại	5.768.732.915	4.518.620.556	1.250.112.359
Cộng	**170.252.143.738**	**134.018.852.513**	**36.233.291.225**

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	5.768.732.915	-
Doanh thu bãi	32.245.387.505	29.300.254.753
Doanh thu vận tải	92.794.830.586	99.663.939.862
Doanh thu khai thác CFS	20.016.102.797	18.955.617.597
Doanh thu dịch vụ khác	19.427.089.935	13.176.383.113
Cộng	**170.252.143.738**	**161.096.195.325**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.518.620.556	-
Giá vốn bãi	25.726.051.067	25.508.164.382
Giá vốn dịch vụ vận tải	71.882.039.462	75.551.226.221
Giá vốn khai thác CFS	16.988.603.848	16.647.666.950
Giá vốn dịch vụ khác	14.903.537.580	7.758.534.528
Cộng	**134.018.852.513**	**125.465.592.081**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.513.461.739	5.662.706.478
Chi phí nhân công	18.515.711.402	16.396.519.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.486.527.373	13.181.431.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.979.621.467	101.126.308.888
Chi phí khác bằng tiền	6.427.354.145	4.262.755.030
Lợi thế thương mại	1.532.709.583	1.532.153.269
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.730.400.000	1.622.704.025
Cộng	**149.185.785.709**	**143.784.578.074**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.885.685.641	3.060.774.969
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.018.633	1.340.775
Cộng	**2.902.704.274**	**3.062.115.744**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	**19.508.626.057**	**18.316.829.336**
Chi phí nhân viên	6.315.328.802	5.390.648.742
Chi phí khấu hao tài sản cố định	560.203.777	594.305.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.930.459.712	6.296.826.825
Thuế phí, lệ phí	3.279.016.400	2.793.332.900
Chi phí bằng tiền khác	160.507.783	86.858.108
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.730.400.000	1.622.704.025
Lợi thế thương mại	1.532.709.583	1.532.153.269
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	**176.927.695**	-
Chi phí nhân viên	63.090.909	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.638.800	-
Chi phí bằng tiền khác	92.197.986	-

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	1.621.156.710	246.717.923
Các khoản khác.	38.841.569	173.714.044
Cộng	**1.659.998.279**	**420.431.967**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	565.031.923	653.468.555
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.544.850.244	2.532.682.436
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	766.884.245	922.472.464
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	156.874.095	299.620.212
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	171.802.583	73.673.847
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	27.031.524	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.232.474.614**	**4.481.917.514**

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.738.895.052	16.214.815.783
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	395.980.332	355.782.836
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.342.914.720	15.859.032.948
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.728.076	16.728.076
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.037**	**948**

Ghi chú:

(i) Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 số tiền là 395.980.332 VND. Số liệu so sánh năm trước được trình bày lại do trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các hợp đồng thuê đất:

- Hợp đồng thuê đất số 01/HĐ-CTL ngày 09/01/2013 và hợp đồng số 20/HĐ-CTL ngày 28/03/2016 về việc thuê đất tại khu Công nghiệp Thụy Vân, tỉnh Phú Thọ, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2013 đến ngày 23/05/2048.

- Hợp đồng thuê đất số 34/HĐ-TĐ ngày 27/03/2013 về việc thuê đất tại 189 Đình Vũ, thành phố Hải Phòng, thời hạn thuê từ ngày 29/01/2013 đến ngày 02/10/2033.

- Hợp đồng thuê đất số 18/HĐ-TĐ ngày 17/10/2001 và hợp đồng thuê đất số 53/HĐ-TĐ ngày 25/04/2014 về việc thuê đất tại Km104+200 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, thành phố Hải Phòng, thời hạn thuê từ ngày 16/08/2000 đến 16/08/2040.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	64.406.958.140	21.404.756.530
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	200.204.108.816	195.482.706.790
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,00**	**0,00**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.406.958.140	21.404.756.530	64.406.958.140	21.404.756.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.398.696.867	39.626.786.890	42.398.696.867	39.626.786.890
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
Tổng cộng	**106.805.655.007**	**106.031.543.420**	**106.805.655.007**	**106.031.543.420**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	13.664.787.305	14.197.819.995	13.664.787.305	14.197.819.995
Chi phí phải trả	790.143.022	827.652.600	790.143.022	827.652.600
Tổng cộng	**14.454.930.327**	**15.025.472.595**	**14.454.930.327**	**15.025.472.595**

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.406.958.140	-	-	64.406.958.140
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.798.753.549	2.599.943.318	-	42.398.696.867
Tổng cộng	**104.205.711.689**	**2.599.943.318**	**-**	**106.805.655.007**
Phải trả người bán và phải trả khác	13.201.697.305	463.090.000	-	13.664.787.305
Chi phí phải trả	790.143.022	-	-	790.143.022
Tổng cộng	**13.991.840.327**	**463.090.000**	**-**	**14.454.930.327**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**90.213.871.362**	**2.136.853.318**	**-**	**92.350.724.680**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.404.756.530	-	-	21.404.756.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.858.843.572	4.767.943.318	-	39.626.786.890
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.000.000.000	-	-	45.000.000.000
Tổng cộng	**101.263.600.102**	**4.767.943.318**	**-**	**106.031.543.420**
Phải trả người bán và phải trả khác	10.972.329.995	3.225.490.000	-	14.197.819.995
Chi phí phải trả	827.652.600	-	-	827.652.600
Tổng cộng	**11.799.982.595**	**3.225.490.000**	**-**	**15.025.472.595**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**89.463.617.507**	**1.542.453.318**	**-**	**91.006.070.825**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức đã trả	**7.068.171.000**	**9.246.527.000**
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.595.136.000	5.192.902.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	1.188.000.000	1.716.000.000
Nguyễn Thành Lê	1.148.400.000	1.658.800.000
Nguyễn Thị Nhung	1.136.635.000	678.825.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	1.549.489.468	1.442.289.300

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 85.206.500 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và các khoản điều chỉnh khác.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán.

M.S.D.N: 0200793081 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

		TỔNG GIÁM ĐỐC
		Phan Thanh Bình
Nguyễn Thu Thủy	**Nguyễn Thu Thủy**	**Phan Thanh Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021